



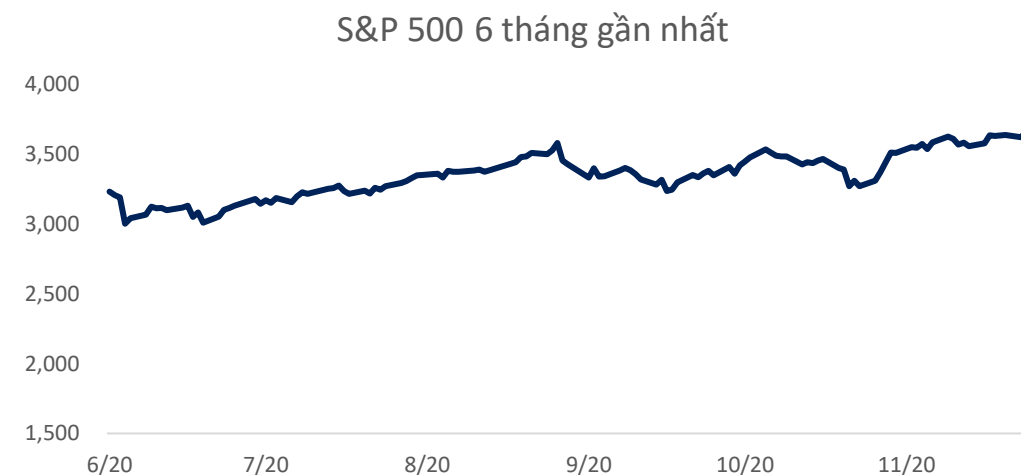
03/12/20

**DAILY** MORNING

VN-Index duy trì vận động tăng



|                   | 3/12     | % Sáng<br>3/12 | 2/12     | % Ngày<br>2/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,014.32 | 0.54%          | 1.44%  | 8.64%   |
| S&P 500           |          |                | 3,669.01 | 0.18%          | 0.92%  | 12.20%  |
| S&P500<br>Futures | 3,664.25 | -0.08%         | 3,667.25 | 0.18%          | 1.02%  | 11.02%  |
| Shanghai          |          |                | 3,449.38 | -0.07%         | 2.59%  | 6.95%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,521.32 | -0.11%         | 0.27%  | 16.62%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | PTKT                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Lượng lao động thuê mới trong các doanh nghiệp tư nhân Mỹ tăng 307 nghìn trong tháng 11, sau khi tăng 404 nghìn trong tháng 10.</li> <li>Vaccine Covid-19 của Pfizer Inc và BioNTech được phê duyệt bởi chính phủ Anh.</li> <li>Báo cáo của FED cho thấy, 4/12 khu được khảo sát không tăng trưởng hoặc tăng trưởng chậm trong khi những khu còn lại tăng trưởng vừa phải.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hỗ trợ 3150         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Kháng cự 3500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



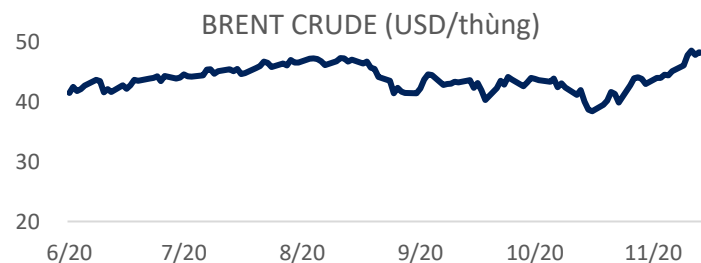
Nguồn: Bloomberg, BSC

# Hầu hết các loại hàng hóa đều tăng

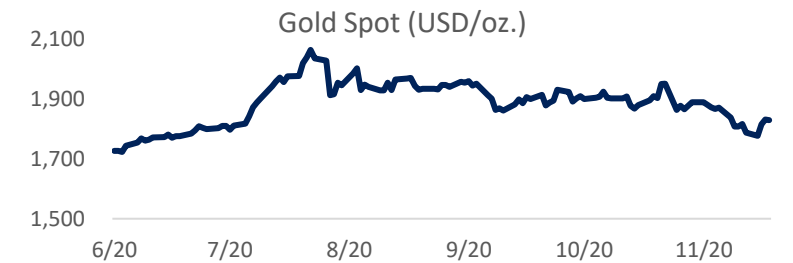
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 3/12     | % Sáng 3/12 | 2/12     | % 2/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 44.98    | -0.66%      | 45.28    | 1.64%  | -1.60% | 20.98%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |             | 48.25    | 1.75%  | -0.58% | 22.28%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 123.60   | -0.31%      | 123.99   | 1.60%  | -2.75% | 18.07%  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,829.32 | -0.11%      | 1831.28  | 0.88%  | 0.74%  | -4.18%  | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 23.99    | -0.46%      | 24.10    | 0.42%  | 2.44%  | -0.97%  | PNJ                |                    |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |             | 1,153.00 | -0.77% | -3.21% | 9.16%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |             | 588.50   | 1.95%  | -4.70% | -1.92%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |             | 15.14    | -0.33% | -1.24% | -24.71% | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 259.50   | 0.70%       | 257.70   | 3.45%  | 9.96%  |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 14.60    | 0.62%  | -2.93% | 1.67%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 119.10   | 0.55%  | 2.76%  | 11.46%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 7673.00  | -0.28% | 5.11%  | 13.47%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,903.00 | -0.28%      | 3914.00  | 0.57%  | 0.64%  | 5.03%   | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 2055.00  | -0.46% | 4.31%  | 10.13%  | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 933.50   | 1.30%       | 921.50   | 2.05%  | 5.06%  | 17.94%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 70.90    | 2.60%  | 2.60%  | 15.38%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Theo EIA, dự trữ dầu thô của Hoa Kỳ giảm 0.679 triệu thùng trong tuần kết thúc hôm 27/11, sau khi giảm -0.754 triệu thùng trong tuần liền trước. Dự trữ xăng tăng 3.491 triệu thùng.



Nguồn: Bloomberg, BSC

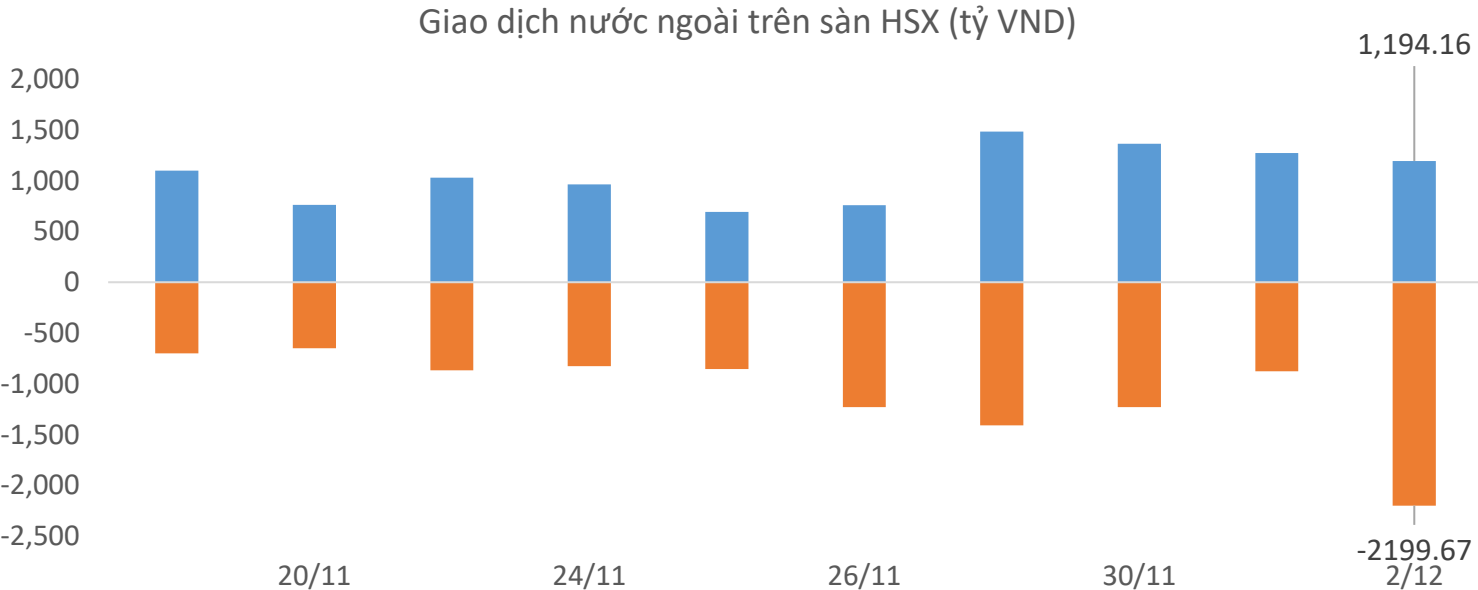


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF Diamond tăng mạnh quy mô phiên thứ 8

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| VNM       | 413.8            | 16.1            | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -3.0  | ETF Diamond tăng mạnh quy mô, quỹ đã mua ròng 36.6 triệu USD trong 8 phiên liên tiếp. ETF Finlead giảm nhẹ quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại.<br>Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua ròng tại thị trường Indian, Korea, Taiwan, Thailand và bán ở các thị trường còn lại. |
| FTSE      | 277.4            | 32.6            | 0.00               | 0.9%         | 0.0                       | 2.8  | 5.6  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| iShare    | 400.0            | 27.5            | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| E1VFN30   | 296.0            | 0.7             | 0.00               | 0.4%         | 0.0                       | 0.3  | 3.9  | 4.9   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| FUEVFN30  | 154.0            | 0.7             | 12.60              | 0.6%         | 8.4                       | 34.8 | 34.2 | 50.8  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| FUESSVFL  | 41.2             | 0.5             | -2.00              | 0.2%         | -1.0                      | -1.5 | -1.6 | -0.4  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| FUESSVN30 | 2.5              | 0.5             | 0.00               | 0.4%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -0.2  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| VN100     | 3.3              | 0.5             | 0.00               | 0.2%         | 0.0                       | 0.1  | 0.1  | 0.4   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| KIM       | 192.8            | 12.4            | 0.00               | -0.9%        | 0.0                       | -2.5 | -4.7 |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| PREMIA    | 23.2             | 10.3            | 0.00               | -0.3%        | 0.0                       | -    | -    | (2.1) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -44.12 | -41.73                | -34.59                 |
| ASEAN4*                                               | 7.42   | -531.69               | -23.35                 |
| Ấn Độ                                                 | 481.26 | 481.26                | 481.26                 |
| Đài Loan                                              | 109.26 | -964.25               | 199.78                 |
| Hàn Quốc                                              | 493.81 | -1665.37              | 576.48                 |
| Nhật Bản                                              |        | 4397.16               | -2752.90               |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -11.83                |                        |
| Thái Lan                                              |        | -15.97                |                        |
| Singapore                                             |        | -11.83                |                        |
| Phillippines                                          |        | -6.80                 |                        |
| Malaysia                                              |        | -5.97                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Theo chỉ đạo của Thủ tướng, TP HCM cơ bản vẫn hoạt động kinh tế xã hội như bình thường. Còn truy vết đến đâu xử lý, cách ly đến đó.
- Theo Bộ GTVT, dự kiến đến hết tháng 11/2020, các chủ dự án thuộc bộ sẽ giải ngân được 31,918 tỷ đồng vốn đầu tư công, đạt 80.1% kế hoạch năm nay, trong đó vốn trong nước giải ngân được 27,253 tỷ đồng, đạt 80.9% kế hoạch, vốn nước ngoài giải ngân được 4,664 tỷ đồng, đạt 76% kế hoạch.
- Theo Bộ Công Thương, tính chung 11 tháng năm 2020, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 234.78 tỷ USD, tăng 1.6% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 85.43 tỷ USD, giảm 9.6 %; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 149.35 tỷ USD, tăng 9.4%.
- Theo Bộ trưởng NN&PTNT, thiên tai trong hai tháng qua gây thiệt hại khoảng 30,000 tỷ đồng.

## Thông số kỹ thuật

|          |          |
|----------|----------|
| Xu hướng | Tăng     |
| Chỉ báo  | Khả quan |
| Kháng cự | 1025     |
| Hỗ trợ   | 970      |



Nguồn: FireAnt, BSC

- HTI: - Ngày 01/12, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông vào 21/12/2020 và thanh toán bắt đầu từ ngày 29/1/2021.
- HDG: Đã thông qua việc phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo. Chi tiết sẽ được thông báo sau.
- PGI: Ngày 10/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 11/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/12/2020.
- KDC: Ngày 17/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 18/1/2021.
- L18: Thông báo, ngày 14/12 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua gần 23 triệu cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 1:1, với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu.
- FOX: Ngày 24/12 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức lần 2/2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%. Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.000 đồng và với 273,62 triệu cổ phiếu hiện đang lưu hành, Viễn thông FPT dự kiến chi khoảng 547,24 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 23/12 và thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 22/1/2021.
- HNG: Đã quyết định chốt danh sách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư để tăng vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng là 15/12, tương ứng ngày 14/12 giao dịch không hưởng quyền. Thời gian lấy ý kiến trong tháng 12 này.
- NLG: Keppel Land thông báo bán 30% vốn tại dự án Waterfront Đồng Nai cho Nam Long. Giá trị thương vụ khoảng 1.950 tỷ đồng, Nam Long sẽ thanh toán làm 2 đợt. Keppel Land cho biết dự kiến hoàn tất giao dịch vào nửa đầu năm 2021 kèm theo một số điều kiện nhất định, bao gồm việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới của cơ quan chức năng Việt Nam
- SBT: Đã công bố phương án chào bán trái phiếu ra công chúng với tổng mệnh giá tối đa 700 tỷ đồng trong 1 đợt chào bán. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản. Kỳ hạn trái phiếu tối đa 3 năm. Ngày phát hành dự kiến trong quý I/2021. Số lượng đặt mua tối thiểu với nhà đầu tư cá nhân là 20 tỷ đồng và nhà đầu tư tổ chức là 250 tỷ đồng.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

# TNG

Xu hướng hiện tại

Kháng cự 15.5

Hỗ trợ 14.5

MACD ↑

RSI ↓

Moving Avg ↑

Giá mục tiêu 16.4

Upside 9%

## Tăng giá

Khuyến nghị  
kỹ thuật

## Khả quan

CTCP Đầu tư và  
Thương mại TNG

### 15

#### Cập nhật KQKD

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của TNG lần lượt đạt 3,063 tỷ (-3.3% YoY) và 120 tỷ (-23.5% YoY). Riêng tháng 8 ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 617.6 tỷ (+11.7% YoY) và 25.8 tỷ (-12.5% YoY). Trong đó, doanh thu đồ bảo hộ, khẩu trang chiếm khoảng 8 – 10% doanh thu.

Tính đến tháng 8 năm 2020, giá trị đơn đặt hàng cho năm 2020 đạt 232 triệu USD. Doanh thu quý 3 và doanh thu quý 4 dự kiến lần lượt đạt 1,700 (+11.4% YoY) tỷ và 1,100 tỷ (+5.4% YoY).

Cơ cấu doanh thu theo khách hàng 8T.2020: Decathlon chiếm 41%, TCP chiếm 13% và Asmara chiếm 11.3%.

**BSC i-Bond**

**BSC**  
Fortune

# VTP

Xu hướng hiện tại

Kháng cự 112.5

Hỗ trợ 110

MACD ↑

RSI ↑

Moving Avg ↑

Giá mục tiêu 119

Upside 7%

## Tăng giá

Khuyến nghị  
kỹ thuật

## Tích cực

Tổng CTCP Bưu  
chính Viettel

### 111.4

#### Cập nhật KQKD

Kế hoạch phát triển mảng Logistics: Tập trung Fullfillment: công nghệ (khâu middle mile: VTP tự lắp ráp) và nền kinh tế chia sẻ (hạ tầng dùng chung cho các doanh nghiệp logistics). Tập trung vào đơn hàng xử lý nhanh, vận chuyển trên diện rộng (không giới hạn lĩnh vực)

Kế hoạch đầu tư đến năm 2025: dự kiến tổng vốn đầu tư là 2,000 tỷ VND (đầu tư mạnh về kho, công nghệ). Dự kiến vốn chủ 70%, vay 30%.

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

**BSC**  
Invest

**BSC**  
iBROKER

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639